

A. LÝ THUYẾT

- Tập hợp, tập hợp các số tự nhiên.
- Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên và thứ tự tính toán.
- Dấu hiệu chia hết cho 2,5,3,9. Số nguyên tố, hợp số.
- Phân tích một số ra thừa số nguyên tố, ƯC, ƯCLN, BC, BCNN.
- Tập hợp các số nguyên.
- Phép cộng, trừ các số nguyên. Quy tắc dấu ngoặc.
- Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều; hình chữ nhật, hình thoi; hình bình hành; hình thang cân; hình có trục đối xứng; hình có tâm đối xứng.

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 3 và nhỏ hơn 8 là

- A. $A = \{3; 4; 5; 6; 7\}$ B. $A = \{3; 4; 5; 6; 7; 8\}$ C. $A = \{4; 5; 6; 7; 8\}$ D. $A = \{4; 5; 6; 7\}$

Câu 2. Tập hợp các số tự nhiên là ước của 15 là:

- A. $\{1; 3; 5; 10\}$ B. $\{1; 3; 5; 15\}$ C. $\{0; 1; 3; 5; 15\}$ D. $\{15; 30; 35; 0\}$

Câu 3. Trong các số sau: 1045; 4113; 1230; 1907 số chia hết cho 9 là:

- A. 1045 B. 1230 C. 1907 D. 4113

Câu 4. Điều kiện của x để biểu thức $A = 10 + 15 + 95 + x$ chia hết cho 5 là

- A. x là số tự nhiên chẵn B. x là số tự nhiên lẻ
C. x là số bội của 5 D. $x \in \{0; 5\}$

Câu 5. Số nào chia hết cho cả 2; 3; 5; 9 trong các số sau?

- A. 45 B. 60 C. 90 D. 210

Câu 6. Hình thoi có độ dài một cạnh bằng 3cm. Chu vi của hình thoi đó là:

- A. 3cm B. 6cm C. 9cm D. 12cm

Câu 7. Một hình vuông có chu vi 40cm. Độ dài cạnh của hình vuông đó là:

- A. 4cm B. 10cm C. 20cm D. 160cm

Câu 8. Hai đường chéo của hình thang cân bất kì có đặc điểm gì?

- A. Vuông góc B. Song song C. Trùng nhau D. Bằng nhau

Câu 9. Phân tích số 40 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả đúng là

- A. $2.4.5$ B. $2^3.5$ C. 5.8 D. 4.10

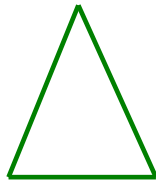
Câu 10. ƯCLN(17, 20) bằng:

- A. 1. B. 2 C. 170. D. 340

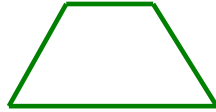
Câu 11. BCNN(7, 10) bằng:

- A. 1. B. 10 C. 70. D. 140

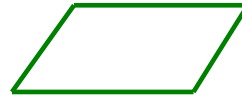
Câu 12. Hình nào sau đây không có trục đối xứng?



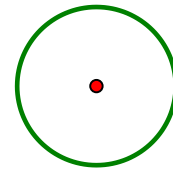
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 13. Chữ cái nào sau đây không có trục đối xứng

A. Chữ “A”

B. Chữ “M”

C. Chữ “L”

D. Chữ “O”

Câu 14. Trong các hình sau đây hình có tâm đối xứng là hình



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

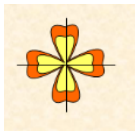
A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 3

Câu 15. Trong các hình sau đây, hình **không** có tâm đối xứng là



Hình a



Hình b



Hình c



Hình d

A. Hình a

B. Hình b

C. Hình c

D. Hình d

Câu 16. Tập hợp các số nguyên tố có một chữ số là

A. $\{0; 2; 3; 5; 7\}$

B. $\{1; 2; 3; 5; 7\}$

C. $\{0; 1; 2; 3; 5; 7\}$

D. $\{2; 3; 5; 7\}$

Câu 17. Dãy nào sau đây chỉ gồm các số nguyên âm:

A. 0; -1; -2; -3; -4; -5.

B. -3; -4; -5; 3; 4; 5; 0.

C. -11; -10; -5; 0; -6.

D. -1; -2; -7; -9; -10.

Câu 18. Tàu ngầm đang ở vị trí dưới mực nước biển 50 m, số nguyên âm biểu thị độ cao của tàu ngầm so với mực nước biển là

A. 500

B. -500

C. -50

D. 50

Câu 19. Kết quả của phép tính $35 + (-47)$ bằng:

A. 82

B. -12

C. -82

D. 12

Câu 20. Khi bỏ dấu ngoặc của biểu thức số: $15 - (5 + 9)$ ta được kết quả là:

A. $15 - 5 + 9$.

B. $15 + 5 + 9$.

C. $15 - 5 - 9$.

D. $15 + 5 - 9$.

II. Tự luận

Dạng 1. Viết tập hợp

Bài 1. Viết các tập hợp sau bằng 2 cách

a) Tập hợp các số tự nhiên chia hết cho 2 và nhỏ hơn 21;

b) Tập hợp các số nguyên tố không vượt quá 16.

Bài 2. Trong các số 3071; 105; 6740; 844; 202. Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử của tập hợp đó?

a) Tập hợp A các số chia hết cho 2 mà không chia hết cho 5?

b) Tập hợp B các số chia hết cho 5 mà không chia hết cho 2?

c) Tập hợp C các số chia hết cho cả 2 và 5?

Dạng 2: Thực hiện phép tính

Bài 1. Thực hiện phép tính:

a) $2.5^2 - 15.2^3 + 26 : 2$

c) $5^3.2 - 100 : 4 + 2^3.5$

b) $2020^0 + 5^4 : 5^2 - 9.(5^2 - 2.3)$

d) $-12 + 39 - (14 + 25)$

e) $12 - \left\{ 4 \cdot \left[200 - (6.4 - 3.7)^2 \right] - 200 : 4 \right\}$

Bài 2. Thực hiện phép tính bằng cách hợp lý (nếu có)

a) $-129 + 137 + (-37) + (-171)$

b) $649 + 527 + (-49) + 73$

c) $465 + [58 + (-465) + (-38)]$

d) $1 + (-4) + 7 + (-10) + 13 + (-16)$

e) $(94 + 65) + (512 - 94 - 65)$

f) $(56 - 37 + 12) - (56 + 12)$

g) $27.121 - 87.27 + 73.34$

h) $41.36 - 59.90 + 41.84 - 59.30$

Bài 3. Chiếc điều của bạn An bay ở độ cao 9 mét (so với mặt đất). Sau một lúc, độ cao của chiếc điều tăng thêm 1 mét (so với mặt đất), rồi sau đó lại giảm đi 3 mét. Hỏi độ cao của chiếc điều là bao nhiêu mét sau hai lần thay đổi độ cao?

Bài 4. Nhà toán học Py-ta-go sinh năm 570 trước Công nguyên. Nhà toán học Việt Nam Lương Thế Vinh sinh sau Py-ta-go 2011 năm. Vậy ông Lương Thế Vinh sinh năm nào?

Dạng 3. Tìm x biết

Bài 1. Tìm số tự nhiên x biết

a) $x + 25 = -15$

b) $3x + 1 = 7^4 : 7^3$

c) $40 : x$ và $4 \leq x \leq 30$

d) $120 : x, 300 : x, 420 : x$ và x lớn nhất

e) $x:24, x:45$ và $200 < x < 500$

Dạng 4. Tính chất chia hết, ƯC, BC, ƯCLN, BCNN

Bài 1. Điền chữ số vào dấu * để

a) $\overline{7*41}$ chia hết cho 9

b) $\overline{522*}$ chia hết cho 5

c) $\overline{1*82*}$ chia hết cho 2; 3; 5; 9

Bài 2. Dùng ba trong bốn chữ số 5; 4; 8; 0 ghép thành các số tự nhiên có ba chữ số khác nhau sao cho các số đó

a) Chia hết cho 2

c) Chia hết cho 5

b) Chia hết cho 9

d) Chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9

Bài 3. Một trang trại nuôi gà, có khoảng từ 300 đến 400 con. Biết rằng nếu xếp mỗi chuồng 15 con, 18 con, 20 con thì vừa đủ. Tính số gà của trang trại?

Bài 4. Vào tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp, cô giáo đã chuẩn bị các phần quà như nhau từ 27 gói bánh và 18 gói kẹo nhỏ để tặng quà cho các bạn tham gia chơi trò chơi. Hỏi cô chuẩn bị được nhiều nhất bao nhiêu phần quà, khi đó mỗi phần quà có bao nhiêu gói bánh, bao nhiêu gói kẹo?

Bài 5. Một tờ bìa hình chữ nhật dài 120cm, chiều rộng 90cm. Người ta muốn cắt tờ bìa hình chữ nhật thành những hình vuông bằng nhau. Tính độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông?

Bài 6. Một xí nghiệp có khoảng 700 đến 800 công nhân biết rằng khi xếp hàng 15; 18; 24 đều dư 13. Tính số công nhân của xí nghiệp.

Dạng 5: Các bài tập hình học

Bài 1. a) Tính chu vi, diện tích hình vuông có độ dài cạnh là 5 cm.

b) Tính cạnh của hình thoi biết chu vi hình thoi là 160cm.

Bài 2. a) Một hình vuông có diện tích là $144m^2$. Tính chu vi hình vuông đó.

b) Một hình chữ nhật có chiều rộng $6dm$, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 3. Một hình thang cân có chu vi 46cm và tổng độ dài hai cạnh đáy là 28cm. Tính độ dài của mỗi cạnh bên của hình thang đó.

Dạng 6 : Nâng cao

Bài 1. Tìm số tự nhiên a, biết rằng khi chia 24 cho a thì dư 3 và khi chia 38 cho a cũng dư 3.

Bài 2: Chứng tỏ rằng $\frac{12n+1}{30n+2}$ là phân số tối giản

Bài 3. Cho $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{10}$. Chứng tỏ rằng:

a. $A : 3$

b. $A : 31$

A. LÝ THUYẾT

HS ôn lại các kiến thức cơ bản của 5 bài:

Bài 1. Nhà ở đối với con người

Bài 2. Xây dựng nhà ở

Bài 3. Ngôi nhà thông minh

Bài 4. Thực phẩm và giá trị dinh dưỡng

Bài 5. Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Khu vực chức năng nào là nơi để gia chủ bày tỏ lòng thành kính với ông bà, tổ tiên và thần linh?

A. Khu vực sinh hoạt chung.

B. Khu vực thờ cúng.

C. Khu vực ăn uống.

D. Khu vực nghỉ ngơi.

Câu 2. Kiến trúc nhà ở đặc trưng cho các vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên?

A. Nhà ba gian.

B. Nhà nôi.

C. Nhà chung cư.

D. Nhà sàn.

Câu 3. Bước chính giúp tạo ra không gian sống, tính thẩm mỹ cho mỗi ngôi nhà là gì?

A. Chuẩn bị vật liệu, kinh phí.

B. Thi công thô.

B. Thiết kế nhà.

D. Hoàn thiện nội thất, lắp thiết bị điện nước.

Câu 4. Đèn tự động bật lên khi có người vào phòng là hệ thống nào trong ngôi nhà thông minh?

A. Hệ thống chiếu sáng thông minh.

B. Hệ thống camera giám sát an ninh

C. Hệ thống kiểm soát nhiệt độ

D. Hệ thống giải trí thông minh

Câu 5. Đối với phương pháp làm lạnh, thực phẩm được bảo quản ở nhiệt độ nào?

A. -1°C

B. Trên 7°C

C. Từ 1°C đến 7°C

D. Dưới 0°C

Câu 6. Thực phẩm nào sau đây không nên bảo quản trong ngăn lạnh quá 24 giờ?

A. Trái cây

B. Các loại rau

C. Các loại củ

D. Thịt, cá

Câu 7. Người ta tiến hành làm khô thực phẩm bằng cách nào?

A. Phơi dưới ánh nắng mặt trời

B. Sử dụng máy sấy

C. Có thể phơi hoặc sử dụng máy sấy

D. Rang trên bếp than.

Câu 8. Người ta phân phương pháp chế biến thực phẩm thành mấy loại?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 9. Phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo ở nhiệt độ cao đó là gì?

A. Luộc

B. Rán

C. Nướng

D. Kho

Câu 10. Vật liệu nào sau đây không dùng để dựng tường?

A. Cát

B. Gạch

C. Ngói

D. Xi măng

Câu 11. Với phương pháp làm lạnh, thực phẩm được bảo quản trong thời gian bao lâu?

- A. Trên 7 ngày
- B. Vài tháng
- C. Từ 3 đến 7 ngày
- D. Vài tuần

Câu 12. Món ăn sau phương pháp chế biến nào có ưu điểm là có độ giòn, độ ngọt?

- A. Luộc
- B. Kho
- C. Nướng
- D. Rán

Câu 13. Hãy cho biết hình ảnh sau đây thuộc nhóm thực phẩm nào?

- A. Nhóm giàu chất tinh bột, đường và xơ
- B. Nhóm giàu chất đạm
- C. Nhóm giàu chất béo
- D. Nhóm giàu chất khoáng

Câu 14. Nhóm thực phẩm **mỡ động vật, dầu thực vật, bơ** giàu chất gì?

- A. Nhóm giàu chất tinh bột, đường và xơ
- B. Nhóm giàu chất đạm
- C. Nhóm giàu chất béo
- D. Nhóm giàu chất khoáng

Câu 15. Loại chất khoáng nào sau đây tham gia vào quá trình cấu tạo và là thành phần của hồng cầu trong máu?

- A. Sắt
- B. Canxi
- C. I ốt
- D. Kẽm

Câu 16. Em hiểu thế nào là sử dụng năng lượng điện tiết kiệm và hiệu quả?

- A. Sử dụng đúng lúc, sử dụng ít.
- B. Sử dụng đúng chỗ, sử dụng ít.
- C. Sử dụng ít năng lượng mà vẫn đảm bảo vào nhu cầu.
- D. Sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, sử dụng ít năng lượng mà vẫn đảm bảo được nhu cầu.

Câu 17. Ý nghĩa của việc lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trên mái nhà là gì?

- A. Tạo ra nguồn năng lượng chứa nhiều chất phóng xạ.
- B. Tạo ra nguồn năng lượng thân thiện với môi trường tuy hơi đắt, không bền.
- C. Tiết kiệm tiền điện phải trả nhưng năng lượng không an toàn.
- D. Tạo ra nguồn năng lượng sạch, thân thiện với môi trường và tiết kiệm tiền điện.

Câu 18. Việc làm nào sau đây cho thấy ăn không đúng cách?

- A. Nhai kỹ
- B. Vừa ăn vừa xem tivi
- C. Tập trung cho việc ăn uống.
- D. Tạo bầu không khí thân mật trong bữa ăn.

Câu 19. Bảo quản thực phẩm là quá trình xử lý thực phẩm với mục đích gì?

- A. Kéo dài thời gian sử dụng thực phẩm, nhưng không an toàn
- B. Không đảm bảo dinh dưỡng dù vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- C. Kéo dài thời gian sử dụng mà vẫn đảm bảo chất dinh dưỡng, chất lượng của thực phẩm
- D. Để thực phẩm lâu hơn dù không ngon nữa.

Câu 20. Hãy cho biết, nhóm thực phẩm nào dưới đây cung cấp năng lượng cho cơ thể, tích trữ dưới da ở dạng lớp mỡ để bảo vệ cơ thể và giúp chuyển hóa một số loại vitamin?

- A. Nhóm thực phẩm giàu chất khoáng.
- B. Nhóm thực phẩm giàu chất đạm.
- C. Nhóm thực phẩm giàu chất béo.
- D. Nhóm thực phẩm giàu vitamin.

II. Tự luận

Câu 1: Kể tên 3 món ăn thuộc 3 nhóm chất khác nhau mà gia đình em thường dùng? Cho biết chúng thuộc nhóm chất nào? Vai trò của nhóm chất đó với cơ thể con người?

Câu 2: Nêu các công việc chính của bước thi công thô? Vai trò của bước thi công thô trong việc xây dựng nhà ở?

Câu 3: Gia đình em thường bảo quản thực phẩm bằng phương pháp nào? Hãy cho biết một số biện pháp để việc bảo quản và chế biến thực phẩm được an toàn, vệ sinh?

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

Chủ đề 2: Mạng máy tính và Internet

Bài 4: Mạng máy tính

Bài 5: Internet

Chủ đề 3: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin

Bài 6: Mạng thông tin toàn cầu

Bài 7: Tìm kiếm thông tin trên Internet

Bài 8: Thư điện tử

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

50% trắc nghiệm (gồm 20 câu) và 50% tự luận

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Một mạng máy tính gồm

- A. tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau.
- B. một số máy tính bàn.
- C. hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau.
- D. tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một nhà.

Câu 2: Mạng máy tính không cho phép người sử dụng chia sẻ gì?

- A. Máy in
- B. Bàn phím và chuột
- C. Máy quét
- D. Dữ liệu

Câu 3: Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Trong một mạng máy tính, các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ.
- B. Virus có thể lây lan sang các máy tính khác trong mạng máy tính
- C. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính
- D. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính

Câu 4: Thiết bị nào sau đây không phải thiết bị đầu cuối?

- A. Máy tính
- B. Máy in
- C. Bộ định tuyến
- D. Máy quét

Câu 5: Phát biểu nào sau đây sai

- A. Mạng có dây kết nối các máy tính về dây dẫn mạng
- B. Mạng không dây có thể kết nối ở mọi địa hình
- C. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các thiết bị thông minh khác như điện thoại di động, ti vi, tủ lạnh,...
- D. Mạng có dây dễ sửa và lắp đặt hơn mạng không dây vì có thể nhìn thấy dây dẫn

Câu 6: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia
- B. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu
- C. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu
- D. Internet là mạng kết nối các các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.

Câu 7: Phát biểu nào sau đây không phải là đặc điểm của Internet?

- A. Phạm vi hoạt động toàn cầu
- B. Có nhiều dịch vụ đa dạng
- C. Không thuộc quyền sở hữu của ai
- D. Thông tin chính xác tuyệt đối

Câu 8: Phát biểu nào sau đây không phải là lợi ích của việc sử dụng Internet đối với học sinh?

- A. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án
- B. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khóa học trực tuyến
- C. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội và chơi điện tử suốt cả ngày
- D. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài.

Câu 9: Khi sử dụng các loại thông tin trên mạng cần lưu ý vấn đề là

- A. Các từ khóa liên quan đến thông tin cần tìm
- B. Các từ khóa liên quan đến web
- C. Địa chỉ của trang web

D. Bản quyền

Câu 10: Website là gì?

- A. Một hoặc nhiều trang web liên quan tổ chức dưới nhiều địa chỉ truy cập
- B. Gồm nhiều trang web
- C. <http://www.edu.net.vn>
- D. Một hoặc nhiều trang web liên quan tổ chức dưới một địa chỉ truy cập chung.

Câu 11: Trình duyệt web là

- A. chương trình soạn thảo văn bản
- B. là phần mềm giúp người dùng truy cập vào các trang web trên internet
- C. trình thiết kế web
- D. trình soạn thảo web

Câu 12: Word Wide Web là gì?

- A. Một trò chơi máy tính
- B. Một phần mềm máy tính
- C. Một hệ thống các website trên internet cho phép người sử dụng xem và chia sẻ thông tin qua các trang web được liên kết với nhau
- D. Tên khác của Internet

Câu 13: Mỗi website bắt buộc phải có

- A. Tên cá nhân hoặc tổ chức sở hữu
- B. Địa chỉ trụ sở của đơn vị sở hữu
- C. Một địa chỉ truy cập
- D. Địa chỉ thư viện.

Câu 14: Phần mềm giúp người sử dụng truy cập các trang web trên Internet gọi là gì?

- A. Trình duyệt web
- B. Địa chỉ web
- C. Website
- D. Công cụ tìm kiếm.

Câu 15: Trong các tên sau đây, tên nào không phải tên của trình duyệt web?

- A. Internet Explorer
- B. Mozilla Firefox
- C. Google Chrome
- D. Window Explorer

Câu 16: Địa chỉ trang web nào sau đây hợp lệ?

- A. [Https://www.tienphong.vn](https://www.tienphong.vn)
- B. WWW\www.tienphong.vn
- C. [Https://haiha002@gmail.com](https://haiha002@gmail.com)
- D. [Https \:www.tienphong.vn](https://www.tienphong.vn)

Câu 17: Nút  trên trình duyệt web có nghĩa là

- A. xem lại trang hiện tại
- B. quay về trang liền trước
- C. đi đến trang liền sau
- D. quay về trang chủ.

Câu 18: Cách nhanh nhất để tìm thông tin trên WWW mà không biết địa chỉ là

- A. hỏi địa chỉ người khác rồi ghi ra giấy, sau đó nhập địa chỉ vào thanh địa chỉ
- B. nhờ người khác tìm hộ
- C. di chuyển lần theo đường liên kết của các trang web
- D. sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm với từ khóa.

Câu 19: Máy tìm kiếm là gì?

- A. Một chương trình bảo vệ máy tính khỏi virus
- B. Một chương trình sắp xếp dữ liệu trên máy tính của bạn
- C. Một động cơ cung cấp sức mạnh cho Internet
- D. Một website đặc biệt hỗ trợ người sử dụng tìm kiếm thông tin trên Internet.

Câu 20: Từ khóa là gì?

- A. Là từ mô tả chiếc chìa khóa
- B. Là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung cần tìm kiếm do người sử dụng cung cấp
- C. Là tập hợp các từ mà máy tìm kiếm quy định từ trước
- D. Là một biểu tượng trong máy tìm kiếm.

Câu 21: Tên nào sau đây là tên của máy tìm kiếm?

- A. Google
- B. Word
- C. Windows Explorer
- D. Excel

Câu 22: Để tìm kiếm thông tin về virus Corona, em sử dụng từ khóa nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm?

- A. Corona
- B. Virus Corona

C. “Virus Corona”

D. “Virus”+”Corona”

Câu 23: Em cần biết thông tin gì của người mà em muốn gửi thư điện tử cho họ?

A. Địa chỉ nơi ở

C. Loại máy tính đang dùng

B. Mật khẩu thư

D. Địa chỉ thư điện tử.

Câu 24: Đặc điểm nào sau đây không phải ưu điểm của thư điện tử?

A. Gửi và nhận thư nhanh chóng

B. Ít tốn kém

C. Có thể gửi và nhận thư mà không gặp phiền phức gì

D. Có thể gửi kèm tệp

Câu 25: Địa chỉ thư điện tử có dạng là gì?

A. Tên đăng nhập @ địa chỉ máy chủ thư điện tử

B. Tên đường phố @ Viết tắt của tên quốc gia

C. Tên người sử dụng & Tên máy chủ của thư điện tử

D. Tên đường phố # Viết tắt của tên quốc gia

Câu 26: Địa chỉ thư điện tử bắt buộc phải có ký hiệu nào?

A. \$

C. @

B. &

D. #

Câu 27: Địa chỉ nào sau đây là thư điện tử?

A. www.nxbgd.vn

B. thesthanham@gmail.com

C. thesthanham.edu.vn

D. hoa675439@gf@gmail.com

Câu 28: Khi đăng ký thành công một tài khoản thư điện tử, em cần nhớ gì để có thể đăng nhập vào lần sau?

A. Tên đăng nhập và mật khẩu

B. Tên nhà cung cấp dịch vụ Internet

C. Ngày tháng năm sinh đã khai báo

D. Địa chỉ thư của những người bạn.

Câu 29: Khi đặt mật khẩu cho thư điện tử của mình, em nên đặt mật khẩu như thế nào để đảm bảo tính bảo mật?

A. Mật khẩu là dãy số từ 0 đến 9

B. Mật khẩu có ít nhất 8 ký tự gồm chữ cái, chữ số và kí tự đặc biệt

C. Mật khẩu là ngày sinh của mình

D. Mật khẩu giống tên địa chỉ thư.

Câu 30: Với thư điện tử, phát biểu nào sau đây là sai?

A. Một người có thể gửi thư cho chính mình ở cùng địa chỉ thư điện tử

B. Tệp tin đính kèm thư có thể chứa virus, vậy nên cần kiểm tra độ tin cậy trước khi tải về

C. Hai người có thể có địa chỉ thư điện tử giống hệt nhau

D. Có thể gửi một thư cho nhiều người cùng lúc.

II. Phần tự luận:

Bài 1: Internet là gì? Lợi ích của Internet?

Bài 2: Tại sao phải lựa chọn từ khóa tìm kiếm phù hợp?

Bài 3: Nêu hiểu biết của em về thư điện tử

Bài 4: Ưu và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử

I. Lý thuyết

1. Hỗn hợp các chất.
2. Tách chất khỏi hỗn hợp.
3. Tế bào. Đơn vị cơ bản của sự sống.
4. Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào.
5. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào
6. Cơ thể sinh vật.
7. Tổ chức cơ thể đa bào.
8. Hệ thống phân loại sinh vật.
9. Khóa lưỡng phân

II. Bài tập**A. Trắc nghiệm**

Câu 1. Để phân biệt chất tinh khiết và hỗn hợp ta dựa vào

- A. Thở của chất. B. Mùi vị của chất. C. Tính chất của chất. D. Số chất tạo nên.

Câu 2. Chất nào sau đây là chất tinh khiết?

- A. Nước đường B. Nước muối C. Nước chanh D. Nước cất

Câu 3. Chất nào sau đây là hỗn hợp?

- A. Dây đồng B. Dây nhôm C. Nước biển D. Nước cất

Câu 4. Dung dịch là

- A. hỗn hợp không đồng nhất.
B. hỗn hợp không đồng nhất của chất rắn và chất lỏng.
C. chất tinh khiết.
D. hỗn hợp đồng nhất của chất tan và dung môi.

Câu 5. Nước chanh là

- A. dung dịch. B. chất tinh khiết. C. huyền phù. D. nhũ tương.

Câu 6. Cách hợp lí nhất để tách muối từ nước biển là:

- A. Lọc B. Chưng cất
C. Bay hơi D. Để yên cho muối lắng xuống rồi gạn nước.

Câu 7. Tác dụng chủ yếu của việc đeo khẩu trang là gì?

- A. Tách oxygen ra khỏi không khí hít vào.
B. Tách khí carbon dioxide ra khỏi không khí hít vào.
C. Tách hơi nước ra khỏi không khí hít vào.
D. Tách khói bụi ra khỏi không khí hít vào.

Câu 8. Ở nông thôn, để tách thóc lép ra khỏi thóc, người dân thường đổ thóc rơi trước một cái quạt gió. Những hạt thóc lép sẽ bị gió thổi bay ra, đó là do thóc lép có

- A. kích thước hạt nhỏ hơn. B. tốc độ rơi nhỏ hơn.
C. khối lượng nhẹ hơn. D. lớp vỏ trấu dễ tróc hơn.

Câu 9. Phương pháp nào dưới đây là đơn giản nhất để tách cát lẫn trong nước?

- A. Chiết. B. Dùng máy li tâm. C. Cô cạn. D. Lọc.

Câu 10. Nếu không may làm đổ dầu ăn vào nước, ta dùng phương pháp nào để tách riêng dầu ăn ra khỏi nước?

- A. Dùng máy li tâm. B. Cô cạn. C. Chiết. D. Lọc.

Câu 11. Tại sao nói “ tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống”?

- A. Vì tế bào rất nhỏ bé.
B. Vì tế bào có thể thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản.
C. Vì tế bào Không có khả năng sinh sản.
D. Vì tế bào rất vững chắc

Câu 12. Tại sao mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau?

- A. Để phù hợp với chức năng của chúng. B. Để chúng không bị chết
C. Để các tế bào có thể bám vào nhau dễ dàng. D. Để tạo nên sự đa dạng của các loài sinh vật.

Câu 13. Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

- A. Xe ô tô B. Cây cầu C. Cây bạch đàn D. Ngôi nhà

Câu 14. Tế bào không cấu tạo nên vật nào sau đây?

- A. Chiếc lá B. Bông hoa C. Con dao D. Con cá

Câu 15. Loại tế bào nào sau đây có thể quan sát bằng mắt thường?

- A. Tế bào trứng cá B. Tế bào vảy hành C. Tế bào mô giậu D. Tế bào vi khuẩn

Câu 16. Thành phần nào dưới đây KHÔNG thuộc thành phần cấu tạo chính của tế bào?

- A. Màng tế bào B. Tế bào chất C. Thành tế bào D. Nhân/vùng nhân

Câu 17. Đặc điểm của tế bào nhân thực là

- A. Có thành tế bào B. Có chất tế bào
C. Có lục lạp D. Có màng nhân bào bọc vật chất di truyền.

Câu 18. Thành phần nào dưới đây không có ở tế bào nhân thực ?

- A. Màng nhân B. Vùng nhân C. Chất tế bào D. Hệ thống nội màng

Câu 19. Thành phần nào dưới đây không thuộc thành phần cấu tạo chính của tế bào?

- A. Thành tế bào B. Tế bào chất C. Màng tế bào D. Nhân/vùng nhân

Câu 20. Một tế bào mẹ sau khi phân chia (sinh sản) sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con ?

- A. 2 tế bào B. 1 tế bào C. 4 tế bào D. 8 tế bào

Câu 21. Sự lớn lên của tế bào có liên quan mật thiết đến quá trình nào dưới đây?

- A. Sinh sản B. Trao đổi chất C. Cảm ứng D. Trao đổi chất và cảm ứng

Câu 22. Trong các sinh vật sau đây, sinh vật nào thuộc nhóm cơ thể đơn bào?

- A. Sư tử B. Hoa hồng C. Châu chấu D. Trùng roi

Câu 23. Trong các sinh vật sau đây, sinh vật nào thuộc nhóm cơ thể đa bào?

- A. Tảo tiểu cầu B. Tảo silic C. Con cáo D. trùng đế dày

Câu 24. Loại sinh vật đơn bào nào sau đây có thể quan sát được bằng mắt thường?

- A. Tảo lục B. Trùng roi C. Vi khuẩn lam D. Tảo bong bóng

Câu 25. Sắp xếp theo thứ tự các cấp độ tổ chức cơ thể từ thấp đến cao

- A. Tế bào, mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. B. Tế bào, mô, hệ cơ quan, cơ quan, cơ thể.
C. Tế bào, cơ quan, mô, hệ cơ quan, cơ thể. D. Tế bào, cơ quan, hệ cơ quan, mô, cơ thể.

Câu 26. Con cá vàng là cấp độ tổ chức nào của cơ thể đa bào?

- A. Tế bào B. Cơ thể C. Cơ quan D. Mô

Câu 27. Tập hợp các mô thực hiện cùng một chức năng là?

- A. Tế bào B. Mô C. Cơ quan D. Hệ cơ quan

Câu 28. Cơ quan nào sau đây thuộc hệ thần kinh ở người?

- A. Tim B. Phổi C. Não D. Dạ dày

Câu 29. Hệ cơ quan ở thực vật bao gồm?

- A. Hệ rễ và hệ thân B. Hệ thân và hệ lá
C. Hệ chồi và hệ rễ D. Hệ cơ và hệ thân

Câu 30. Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào sau đây?

- A. Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới
B. Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới
C. Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài
D. Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới

B. TỰ LUẬN

Câu 1.

a. Khai thác dầu mỏ dưới đáy biển thường thu được hỗn hợp dầu mỏ và nước biển. Người ta làm thế nào để tách dầu mỏ ra khỏi hỗn hợp?

b. Vào dịp tết, mẹ bạn An làm mứt dừa cho cả nhà ăn. Khi cả nhà thưởng thức, bố An thấy mứt ngọt quá nên không muốn ăn vì bố bạn đang trong chế độ kiêng đường. Bạn An rất muốn tách bớt đường ra khỏi mứt dừa đã làm để bố có thể ăn được. Theo em, có cách nào để tách bớt đường từ mứt dừa đã làm không?

Câu 2.

a. Có 3 tế bào của mô phân sinh ngọn trải qua 4 lần phân chia. Hỏi sau khi phân chia xong có bao nhiêu tế bào mới được tạo thành?

b. Có 1 tế bào da trải qua 6 lần phân chia. Hỏi sau khi phân chia xong có bao nhiêu tế bào mới được tạo thành?

Câu 3. Giải thích một số hiện tượng sau:

a. Trên một số bình nước khoáng thường có dòng chữ "Nước khoáng tinh khiết". Theo em, ý nghĩa của dòng chữ này có hợp lí không? Tại sao?

b. Vì sao rau, củ, quả không nên bảo quản trong ngăn đá của tủ lạnh ?

c. Hiện tượng mọc lại đuôi ở thằn lằn khi bị đứt.

Câu 4. So sánh sự giống và khác nhau của cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào?

Câu 5. Bằng mắt thường, chúng ta có thể dễ dàng nhìn thấy con ếch. Tuy nhiên, chúng ta chỉ có thể nhìn thấy con trùng amip dưới kính hiển vi. Điều này có liên quan gì đến số lượng tế bào cấu tạo nên cơ thể các con vật đó không ?

Câu 6. Khi đốt cháy 1 lít xăng cần 2 150 lít oxygen và sinh ra 1 350 lít khí carbon dioxide.

Một ô tô khi chạy một quãng đường dài 100 km tiêu thụ hết 9 lít xăng. Hãy tính thể tích không khí cần cung cấp để ô tô chạy được quãng đường dài 100 km và thể tích khí carbon dioxide đã sinh ra. Coi oxygen chiếm $\frac{1}{5}$ thể tích không khí.

A. HỆ THỐNG BÀI HỌC

1. Học sinh Hà Nội góp phần xây dựng gia đình văn hoá.
2. Vị trí địa lí và sự thay đổi phạm vi hành chính thành phố Hà Nội.

B. MỘT SỐ CÂU HỎI CỤ THỂ

Câu 1: Em hiểu thế nào là gia đình văn hóa?

Câu 2: Việc xây dựng gia đình văn hóa có ý nghĩa gì?

Câu 3: Em cần làm gì để góp phần xây dựng gia đình văn hóa?

Câu 4: Xác định vị trí hiệ nay của Hà Nội?

Câu 5:

- a. Hiện nay Hà Nội có bao nhiêu quận, huyện, thị xã?
- b. Hãy kể tên 5 quận huyện mà em biết.

A. HỆ THỐNG BÀI HỌC

1. Tự chăm sóc bản thân
2. Ứng phó với thiên tai
3. Tự bảo vệ trong tình huống nguy hiểm.
4. Chia sẻ về việc sắp xếp góc học tập gọn gàng, ngăn nắp
5. Giao tiếp trên mạng xã hội và giao tiếp phù hợp

B. MỘT SỐ CÂU HỎI CỤ THỂ

Câu 1. Hãy chia sẻ những việc em cần làm để chăm sóc bản thân phù hợp với môi trường mới?

Câu 2:

- a. Kể tên một số loại thiên tai mà em biết.
- b. Quan sát các hình ảnh dưới đây, gọi tên và nêu dấu hiệu đặc trưng của các loại thiên tai đó?



Câu 3: Xác định những việc cần làm để bảo vệ bản thân trong một số tình huống thiên tai cụ thể.

VD: Xác định những việc cần làm để bảo vệ bản thân khi có bão

Gợi ý:

Tìm hiểu thời gian xảy ra bão và cấp độ của bão bằng cách nào?

Trước khi bão tràn về nơi em sinh sống, em và gia đình cần chuẩn bị những gì?

Trong khi bão đang xảy ra em nên làm gì?

Sau khi bão kết thúc em cần làm gì để khắc phục hậu quả?

Câu 4:

a. Hãy chia sẻ những tình huống nguy hiểm mà em biết? Và Em làm thế nào để bảo vệ bản thân trong các trường hợp nguy hiểm đó.

Câu 5: Chia sẻ về cách sắp xếp góc học tập của em:

+ Mô tả cách sắp xếp sách, vở, đồ dùng học tập của em ở góc học tập.

+ Cảm nhận của em về góc học tập của mình.

+ Nếu được thay đổi vị trí và cách sắp xếp góc học tập của em ở nhà, em muốn thay đổi như thế nào? Vì sao?

Câu 6: Khi giao tiếp trên mạng xã hội cần đảm bảo những quy tắc nào?

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Phần văn bản

1. YÊU CẦU CHUNG VỀ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:

- Nắm được đặc trưng của văn bản truyện truyền thuyết, truyện cổ tích, thơ lục bát, văn bản ký, văn bản nghị luận, văn bản thông tin.
- Chỉ ra được đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của các văn bản.
- Cảm nhận và nêu được bài học, thông điệp, tình cảm của tác giả qua các văn bản.

2. TRI THỨC NGỮ VĂN

Bài 1. Truyện (Truyện truyền thuyết và cổ tích)

- Xác định được chủ đề, thể loại, ngôi kể, nhân vật, sự việc, phương thức biểu đạt, ý nghĩa của các chi tiết kì ảo ý nghĩa văn bản,.. của các truyện dân gian.
- Nêu được cảm nhận về nhân vật, chi tiết.

Bài 2. Thơ (Thơ lục bát)

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (vần, nhịp, dòng và khổ thơ), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa,...).
- Nhận biết và nêu tác dụng của biện pháp tu từ.

Bài 3. Ký (Hồi ký và du ký)

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ngôi kể, tính xác thực, cách kể sự việc,...), nội dung (đề tài, chủ đề,...).

Bài 4. Văn nghị luận (Nghị luận văn học)

- Xác định được vấn đề nghị luận, ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản nghị luận.
- Hiểu và nêu ngắn gọn ý kiến, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề trong đời sống.

Bài 5. Văn bản thông tin (Thuật lại sự kiện theo trình tự thời gian)

- Nhận biết được các chi tiết trong VB thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của VB;
- Hiểu được tác dụng, ý nghĩa của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu,... của văn bản thông tin.

II. Phần tiếng Việt

- Cấu tạo từ: từ ghép, từ láy.
- Giải nghĩa từ, từ đồng âm, từ đa nghĩa, từ mượn, từ Hán Việt.
- Lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu.
- Các biện pháp tu từ: điệp ngữ, so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ,...

III. Phần tập làm văn.

Dạng 1: Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá)

Dạng 2: Viết bài văn kể lại một kỉ niệm đáng nhớ.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP TỰ LUYỆN

DẠNG 1: CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU VỀ VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐỀ 1

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

ĂN KHÉ TRẢ VÀNG

Ngày xưa ngày xưa, có hai anh em nhà kia, sau khi mẹ chết đi, họ chung sống thuận hòa dưới một mái nhà với người cha già. Ba cha con làm lụng, cùng lo toan mọi việc trong nhà. Cuộc sống cứ êm ả như vậy cho tới khi người cha qua đời...

Sau khi cha chết, hai anh em chia nhau ra ở riêng. Bị vợ xúi giục, người anh tìm cách chiếm hết mọi tài sản. Hai vợ chồng anh ta chỉ nhường cho chú em một gian nhà lụp xụp và cây khế ngoài vườn. Mặc dù thiết thòi, nhưng người em vẫn nín nhịn, không một lời kêu ca, oán thán.

Đến mùa khế chín, bỗng có con chim rất to từ đâu bay tới, cứ thế đậu trên cây khế, thỏa sức ăn khế chín. Người em tiếc của, nước mắt ngấn nước mắt dài than khóc. Chim thấy thế, vừa ăn khế vừa nói:

*Ăn một quả
Trả cục vàng.
May túi ba gang
Đem đi mà đựng.*

Người em nghe chim nói cũng thấy lạ. Nhưng sáng hôm sau, anh vẫn làm đúng theo lời chim dặn, mang túi ba gang may sẵn ra vườn chờ chim. Chim bay đến. Nó nằm ẹp xuống đón anh lên lưng. Sau đó, chim vỗ cánh, đưa anh vượt biển, bay tới một hòn đảo ngoài khơi xa.

Từ trên lưng chim bước xuống, anh ngỡ mình hoa mắt; xung quanh la liệt những vàng bạc, châu báu.

Anh nhớ lời chim dặn, nhặt vàng đầy túi, sau đó lại leo lên lưng chim để chim đưa anh quay về vườn cũ.

Kể từ đó, đời sống của anh thay đổi hẳn. Anh đã đủ ăn, đủ mặc. Anh xây dựng nhà cửa khang trang. Đời sống hàng ngày sung túc.

Người chị dâu thấy thế liền lân la hỏi chuyện. Người em cứ thế kể ra hết mọi chuyện. Chị dâu nghe xong, liền về bàn với chồng. Hai vợ chồng đến xin người em cho đổi mọi tài sản của họ lấy cây khế. Người em bằng lòng. Rồi đến mùa khế chín, con chim lạ lại bay tới ăn khế. Theo đúng lời người em kể, người anh cũng ra vườn than khóc. Chim vẫn tiếp tục ăn khế chín, và cũng nói như trước đây:

*Ăn một quả
Trả cục vàng.
May túi ba gang
Đem đi mà đựng.*

Người anh mừng lắm, vội về cùng vợ may túi, đợi sáng hôm sau chim lạ bay tới cũng đi nhặt vàng. Có điều thay vì may túi ba gang như chim bảo, vợ chồng người anh lại may cái túi chín gang, để có thể đựng được nhiều vàng hơn.

Khi túi đã đầy vàng, con chim lạ không sao cõng nổi người anh bay lên. Có mấy lần mấy lượt, tuy chim vẫn bay lên được, nhưng đôi cánh vỗ rất nặng nề và khó nhọc.

Ra đến giữa biển, chim loạng choạng mấy lần. Nhưng rồi đuối sức, chim lao đảo, nghiêng cánh, khiến cho người anh đang cưỡi trên lưng rơi tòm cả người lẫn vàng bạc, châu báu xuống biển.

(TruyendangianVietNam.com)

Câu 1. Truyện *Ăn khế trả vàng* thuộc thể loại nào?

- A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại C. Truyện thuyết D. Thần thoại

Câu 2. Truyện *Ăn khế trả vàng* được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ hai B. Ngôi thứ ba
C. Ngôi thứ nhất D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3. Người anh chia cho người em những gì khi ra ở riêng?

- A. Một gian nhà khang trang ở trước cửa có một cây khế ngọt
B. Một mảnh vườn có cây khế ngọt
C. Một nửa số ruộng mà hai anh em có
D. Một gian nhà lụp xụp ở trước cửa có một cây khế ngọt

Câu 4. Người em trong câu chuyện gọi cho em liên tưởng đến kiểu nhân vật nào trong truyện dân gian?

- A. Nhân vật bất hạnh B. Nhân vật người mang lốt vật
C. Nhân vật dũng sĩ D. Nhân vật thông minh

Câu 5. Thành ngữ nào sau đây diễn tả đúng tình cảnh của vợ chồng người anh?

- A. Tham thì thâm B. Ở hiền gặp lành
C. Trèo cao té đau D. Có tật giật mình

Câu 6. Qua việc may túi theo lời chim dẫn và được chim đưa đi lấy vàng ở đảo xa, nhân vật người em đã thể hiện là một người như thế nào?

- A. Là một người đại dốt.
- B. Là một người có khao khát giàu sang.
- C. Là một người ham được đi đây đi đó.
- D. Là một người trung thực.

Câu 7. Khi chia gia tài, việc người em nín nhịn, chấp nhận lấy gian nhà lụp xụp và cây khế chứng tỏ điều gì?

- A. Người em đại dốt, không biết tính toán.
- B. Người em có tài tiên đoán, biết trước cây khế sẽ mang lại lợi ích lớn về sau.
- C. Người em hiền lành, biết nhường nhịn anh.
- D. Người em rất yêu thích cây khế.

Câu 8. Việc người anh bị rơi xuống biển cùng bao nhiêu vàng bạc châu báu lấy được là kết quả tất yếu của điều gì?

- A. Sự tham lam.
- B. Thời tiết không thuận lợi.
- C. Sự trả thù của chim.
- D. Quãng đường chim phải bay xa xôi quá.

Câu 9. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản.

Câu 10. Từ câu chuyện trên, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của tình cảm gia đình (tình anh em, mẫu tử, bà cháu,...) đối với mỗi người.

ĐỀ 2

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

ẢNH BÁC

Nhà em treo ảnh Bác Hồ
Bên trên là một lá cờ đỏ tươi
Ngày ngày Bác mỉm miệng cười
Bác nhìn chúng cháu vui chơi trong nhà
Ngoài sân có mấy con gà
Ngoài vườn có mấy quả na chín rồi
Em nghe như Bác dạy lời
Cháu ơi đừng có chơi bời đâu xa
Trồng rau, quét bếp, đuổi gà
Thấy tàu bay Mỹ nhớ ra nằm ngòi

*

Bác lo bao việc trên đời
Ngày ngày Bác vẫn mỉm cười với em.

(Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảnh trời* NXBVHDT)

Câu 1 . Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ tám chữ
- B. Thơ bảy chữ
- C. Thơ tự do
- D. Thơ lục bát

Câu 2. Những phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong bài thơ?

- A. Tự sự
C. Miêu tả và tự sự
- B. Biểu cảm, tự sự, miêu tả
D. Miêu tả và tự sự

Câu 3. Câu thơ in đậm sau :

**“Trồng rau, quét bếp, đuổi gà
Thấy tàu bay Mỹ nhớ ra nằm ngồi.”**

Sử dụng biện pháp tu tu nào?

- A. Liệt kê
C. Nhân hóa
- B. So sánh
D. Hoán dụ.

Câu 4. Nội dung của bài thơ nói về điều gì?

- A. Tình yêu của Bác Hồ dành cho thiếu nhi
B. Hình ảnh Bác Hồ, những việc nhà thơ cần làm
C. Tình cảm chân thành của Trần Đăng Khoa dành cho Bác
D. Hình ảnh quê hương và niềm vui của nhà thơ

Câu 5. Chủ đề của bài thơ trên là gì?

- A. Tình cảm của Bác Hồ dành cho quê hương đất nước.
B. Tình cảm của nhà thơ dành cho Bác.
C. Hình ảnh Bác Hồ thật lớn lao, vĩ đại
D. Công ơn của Bác Hồ đối với trẻ em Việt Nam.

Câu 6. Nhận định nào đúng về nghệ thuật của bài thơ ?

- A. Kết hợp thành công yếu tố biểu cảm với tự sự và miêu tả hình ảnh mẹ.
B. Thể thơ lục bát mang giọng điệu của bài hát ru và biện pháp so sánh.
C. Sử dụng thành công biện pháp ẩn dụ, mang giọng điệu của bài hát ru.
D. gieo thành công vần lưng, ngắt nhịp đa dạng và phong phú.

Câu 7. Điệp từ “ngày ngày” trong bài thơ có tác dụng gì?

- A. Nhấn mạnh hình ảnh Bác Hồ với tất cả tình thương yêu của tác giả
B. Tạo sắc thái hài hoà về mặt ngữ âm, làm cho bài thơ có sự nhịp nhàng.
C. Nhấn mạnh nụ cười hiền từ, nhân hậu của Bác hẳn mãi trên bức ảnh
D. Nhấn mạnh sự vất vả yêu thương của con đối với người mẹ thương yêu.

Câu 8. Nội dung bài thơ khơi gợi ở em tình cảm gì đối với Bác Hồ kính yêu ?

- A. Luôn biết ơn, kính trọng và tưởng nhớ đến Bác
B. Tự hào về tình cảm mà tác giả đã dành riêng cho Bác
C. Luôn tự hào về Bác, một lãnh tụ vĩ đại của dân tộc.

D. Luôn yêu những bức ảnh về Bác Hồ thật giản dị nhưng vĩ đại

Câu 9. Hãy trình bày hiểu biết của mình về Bác Hồ sau khi đọc xong bài thơ trên.

Câu 10. Bài thơ trên đã giúp em hiểu thêm gì về tình cảm thiếu nhi dành cho Bác?

ĐỀ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“...Sau trận bão, chân trời ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hừng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông...”

(Cô Tô – Nguyễn Tuân)

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo thể loại nào?

A. Nghị luận B. Bút kí C. Hồi kí D. Du kí

Câu 2. Phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong đoạn trích trên?

A. Nghị luận B. Tự sự. C. Biểu cảm. D. Miêu tả

Câu 3. Trong dãy từ sau, dãy từ nào chứa từ láy?

A. Dần dần, thăm thẳm, một mâm, hừng hồng.
B. Đầy đặn, dần dần, thăm thẳm, chân trời.
C. Dần dần, tròn trĩnh, đầy đặn, thăm thẳm.
D. Hồng hào, đầy đặn, thăm thẳm, bình minh.

Câu 4. Đoạn trích viết về điều gì?

A. Tình cảm gia đình. B. Tình mẫu tử.
C. Tình yêu đôi lứa. D. Tình yêu thiên nhiên.

Câu 5. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu văn sau: “Sau trận bão, chân trời ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi”?

A. Điệp ngữ. B. So sánh. C. Ẩn dụ. D. Hoán dụ.

Câu 6. Trong những từ sau, từ nào là từ mượn?

A. phúc hậu. B. chài lưới. C. biển Đông. D. trận bão.

Câu 7. Xác định vị ngữ trong câu văn: “Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kỳ hết.”?

A. Mặt trời. B. Mặt trời nhú lên dần dần.
C. nhú lên dần dần, rồi lên cho kỳ hết. D. rồi lên cho kỳ hết.

Câu 8. Đoạn văn thể hiện tình cảm gì của người viết?

A. nhớ nhung quê hương. B. buồn bã khi ngắm hoàng hôn.
C. yêu mến cảnh vật nơi biển đảo. D. hạnh phúc bên gia đình.

Câu 9. Xác định biện pháp tu từ trong câu văn sau và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

“Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn”.

Câu 10. Từ đoạn trích trên, em hãy nêu một số hành động để góp phần bảo vệ môi trường?

ĐỀ 4

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

CON CÒ TRONG CA DAO

(1). Trong ca dao dân ca Việt Nam, có rất nhiều bài nói đến con cò. Những câu ca dao hay và có lẽ cũng rất cổ của ta, hầu hết mở đầu bằng “con cò...”: con cò bay lả bay la, con cò bay bổng bay cao, con cò lặn lội bờ ao, con cò trắng bạch như vôi, con cò vàng, con cò kì, con cò quăm,... Tại sao trong khi hát, nhân dân lao động Việt Nam lại hay nói nhiều đến loài chim ấy mà không nói đến loài chim khác?

(2). Trong các loài chim kiếm ăn ở đồng ruộng, chỉ có con cò thường gắn nhiều với người nông dân hơn cả. Những lúc cày cuốc, cấy hái, người nông dân Việt Nam thường thấy con cò bên họ: con cò lội theo luống cày, con cò bay trên đồng lúa bát ngát, con cò đứng trên bờ ruộng rìa lông, rìa cánh, ngắm nghía người nông dân làm lụng.

(3). Bạn thân nhất của người nông dân trong lao động và sản xuất là con trâu. Nhưng trâu phải cái nặng chình chịch, đi đứng vững vàng thật, nhưng chậm chạp, sống một cuộc đời gò bó, vất vả, không mấy lúc thanh thoi, cho nên chỉ những lúc nghỉ đến cuộc đời nhọc nhằn, cực khổ của mình, người nông dân mới liên hệ đến con trâu, con vật tiêu biểu nhất cho sức sản xuất nơi đồng ruộng.

(4). Còn những lúc người dân lao động Việt Nam xúc cảm, tâm trí muốn vươn lên, muốn ca hát cho tâm hồn bay bổng thoải mái trong khi làm lụng, thì chỉ có con cò gợi hứng cho họ nhiều. Con cò trắng bạch kia tuy ngày đêm lặn lội, nhưng nhiều lúc lại bay lên mây xanh. Nó cũng vất vả, nhưng có vẻ trong trắng, thanh cao, có những lúc nó vẫy vùng thoải mái, nó sống một cuộc đời mà người dân lao động nước ta thời xưa hằng mong ước.

(Theo Vũ Ngọc Phan, Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam)

Câu 1. Văn bản trên thuộc kiểu văn bản gì?

A. Truyện cổ tích. B. Văn nghị luận. C. Văn bản thông tin. D. Hồi ký.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

A. Miêu tả. B. Biểu cảm. C. Nghị luận. D. Tự sự.

Câu 3. Mục đích chính của đoạn trích trên là gì?

A. Cung cấp thông tin về con cò và người nông dân.

B. Bày tỏ tình cảm của người viết với con cò.

C. Giải thích vì sao trong ca dao hay nhắc tới con cò.

D. Giới thiệu, thuyết minh về con cò và người nông dân.

Câu 4. Phương án nào sau đây thể hiện rõ yếu tố nghị luận trong đoạn trích trên?

A. Nhân vật và sự việc.

B. Lí lẽ và bằng chứng.

C. Lời kể và người kể.

D. Thời gian và địa điểm.

Câu 5. Câu nào sau đây là câu nêu vấn đề để bàn luận?

A. Trong ca dao dân ca Việt Nam, có rất nhiều bài nói đến con cò.

B. Tại sao trong khi hát, nhân dân lao động lại nói nhiều đến con cò?

C. Những câu ca dao hay và cổ nhất của ta, hầu hết mở đầu bằng “con cò...”.

D. Bạn thân nhất của người nông dân trong lao động và sản xuất là con trâu.

Câu 6. Ý nào sau đây nêu đúng nhiệm vụ của đoạn (1) trong văn bản trên?

A. Giải thích vấn đề cần bàn luận.

B. Nêu vấn đề cần bàn luận.

C. Chứng minh ý kiến của người viết.

D. Nêu cảm nghĩ của người viết.

Câu 7. Nội dung chính của đoạn (2) là gì?

A. Nói về sự gắn bó giữa con cò và người nông dân.

B. Ca ngợi cuộc sống của con cò và người nông dân.

C. Miêu tả đặc điểm và tính cách của loài cò.

D. Miêu tả cuộc sống lao động của người nông dân.

Câu 8. Trong những từ sau, từ nào là từ láy?

A. cày cuốc.

B. lặn lội.

C. vất vả.

D. thanh cao.

Câu 9. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau: “Con cò trắng bạch kia tuy ngày đêm lặn lội, nhưng nhiều lúc lại bay lên mây xanh. Nó cũng vất vả, nhưng có vẻ trong trắng, thanh cao, có những lúc nó vẫy vùng thoải mái, nó sống một cuộc đời mà người dân lao động nước ta thời xưa hằng mong ước”.

Câu 10. Hãy nêu 02 bài ca dao mà em biết viết về hình ảnh con cò.

ĐỀ 5

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

TRÁI ĐẤT – CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG

“Trái đất trong hệ Mặt Trời”

Trái đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời (gồm sao Thủy, sao Kim, Trái Đất, sao Hỏa, sao Mộc, sao Thổ, sao Thiên Vương, sao Hải Vương – tính theo thứ tự từ Mặt Trời ra ngoài). Trái Đất vừa tự quay quanh trục của nó, mỗi vòng quay hết trọn một ngày (23,934 giờ), vừa quay quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình e – líp với vận tốc xấp xỉ 30 km/s. Một vòng quay của Trái Đất quanh Mặt Trời hết trọn một năm (365,25 ngày).

“Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất”

Nhờ có nước, đặc biệt là nước ở thể lỏng, Trái Đất thực sự trở thành cái nôi của sự sống trong hệ Mặt Trời. Do vậy, khi nói về phương diện này của Trái Đất, ta không thể không nói đến nước.

Hành tinh của chúng ta quả là giàu nước. Nước bao phủ gần $\frac{3}{4}$ bề mặt Trái Đất. Nước dào dạt trong lòng các đại dương; nước đông cứng thành những khối băng trùng điệp, khổng lồ ở hai địa cực; nước ngưng trắng lóa trên những chóp núi được ví là nóc nhà của thế giới; nước tuôn chảy không ngừng với hệ thống sông ngòi được phân bố ở khắp bề mặt các lục địa;... Chính nước đã tạo cho Trái Đất một vẻ đẹp lộng lẫy. Những bức ảnh chụp từ các tàu vũ trụ cho thấy Trái Đất không khác gì giọt nước xanh khổng lồ giữa không gian vũ trụ đen thẫm bao la.

Nếu không có nước thì Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi. Nước chính là “vị thần hộ mệnh” của sự sống, là tác nhân quan trọng thúc đẩy quá trình tiến hóa của các vật chất sống trên hành tinh này. Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú, từ vi sinh vật mang cấu tạo đơn giản đến động vật bậc cao có hệ thần kinh vô cùng phức tạp...

(Theo Hồ Thanh Trang, báo điện tử Đất Việt)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

- A. Nghị luận. B. Tự sự. C. Biểu cảm. D. Miêu tả.

Câu 2. Văn bản trên thuộc kiểu văn bản gì?

- A. Văn bản nghị luận. B. Văn bản thông tin.
C. Văn bản tự sự. D. Văn bản miêu tả.

Câu 3. Dựa vào đâu để xác định văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống” là một văn bản thông tin?

- A. Nhan đề, sa – pô, đề mục, đoạn văn,...
B. Luận điểm, luận cứ, lí lẽ, dẫn chứng,...
C. Từ ngữ bộc lộ tình cảm, cảm xúc,...
D. Nhân vật, sự việc, tình huống, cốt truyện,...

Câu 4. Tại sao lại khẳng định nước là “vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất?

- A. Nước là dạng vật chất tồn tại duy nhất trên Trái Đất.
B. Nước đang bị ô nhiễm nghiêm trọng.
C. Nhờ có nước, Trái Đất trở thành nơi duy nhất có sự sống trong hệ Mặt Trời.
D. Nước xuất hiện đầu tiên trên Trái Đất.

Câu 5. Trong những từ sau, từ nào là từ láy?

- A. sự sống. B. lộng lẫy. C. trợ trụi. D. phức tạp.

Câu 6. Trong những từ sau, từ nào không phải từ mượn?

- A. đại dương. B. lục địa. C. e – líp. D. khối băng.

Câu 7. Văn bản trên nói về điều gì?

- A. Tình yêu quê hương, đất nước. B. Tình yêu thiên nhiên.
C. Tình yêu với nguồn nước. D. Trách nhiệm bảo vệ Trái Đất.

Câu 8. Đâu là thông tin được tác giả đề cập đến trong đoạn văn trên?

- A. Đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất chính là con người.
B. Trái Đất là nơi cư ngụ của muôn loài.
C. Trái đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời.
D. Trái Đất ngày càng bị tàn phá bởi hành động vô ý thức của con người.

Câu 9. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau: “Những bức ảnh chụp từ các tàu vũ trụ cho thấy Trái Đất không khác gì giọt nước xanh khổng lồ giữa không gian vũ trụ đen thẫm bao la”.

Câu 10. Hãy nêu 02 biểu hiện bảo vệ môi trường.

DẠNG 2: VIẾT

Đề 1: *Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện, một sinh hoạt văn hoá.*

Đề 2: *Viết bài văn kể lại một kỉ niệm đáng nhớ.*

REVISION FOR THE FIRST TEMR TEST-GRADE 6

PART A: USE OF LANGUAGE

I. Topics: Units: 1 - 6

II. Vocabulary:

- Unit 1: My new school
- Unit 2: My house
- Unit 3: My friends
- Unit 4: My neighbourhood
- Unit 5: Natural wonders of Viet Nam
- Unit 6: Our Tet holiday

II. Grammar:

- Present simple
- Adverbs of frequency
- Possessive case
- Prepositions of place
- Present continuous
- Comparative adjectives
- Countable and uncountable nouns
- Modal verb: must/mustn't
- Should/shouldn't for advice
- Some/any for amount

III. Pronunciation:

- Sounds: /ɑ:/ and /ʌ/; /b/ and /p/; /ɪ/ and /i:/; /t/ and /d/; /s/ and /ʃ/
- Final sounds: /s/ and /z/

IV. Speaking:

- Introduce and answer teacher's questions.
- Present the topic and answer teacher' questions

1. Talk about your new school.

A	B
1. What is the name of the school?	1. How many classes are there in your school?
2. Where is it?	2. What subject do you like best? Why?
3. What is it like?	3. What do you do at break time?
4. What do you like about your school?	4. What are your friends like?

2. Talk about your house.

A	B
1. Where do you live?	1. What type of house do you live in?
2. How many bedrooms are there in your house?	2. How many rooms are there in your house? What are they?
3. What are there in your bedroom?	3. What are there in the living room?
4. Which room do you like best? Why?	4. What is your favourite room? Why?

3. Talk about your friends.

A	B
1. Who is this person?	1. When and how do you met?
2. How do you know him/her?	2. How often do you see this friend?
3. What do you usually do together?	3. What kind of personality does your friend have?
4. Why do you like to spend time with him/her?	4. What does he/she look like?

4. Talk about your neighbourhood.

A	B
1. Where do you live?	1. Where is your neighbourhood?
2. What is your neighbourhood like?	2. What would you like to change about your neighbourhood?
3. What are there in your neighbourhood?	3. Do you like your neighbours? Why or why not?
4. What should you do to improve your neighbourhood?	4. What do you like and dislike about your neighbourhood?

5. Talk about natural wonders of Viet Nam.

A	B
1. How many natural wonders are there in Viet Nam?	1. Where is Ha Long Bay?
2. Which natural wonder do you like best?	2. How far is it from Ha Noi?
3. Where is it?	3. What are there in Ha Long Bay?
4. Why do you like it?	4. What can you do there?

6. Talk about Tet holiday.

A	B
1. When is Tet holiday celebrated?	1. What do Vietnamese people do during Tet?
2. What do Vietnamese people do before Tet?	2. Name some traditional foods on Tet holiday.
3. What do you often do during Tet holdiday?	3. What do people wear on Tet holiday?
4. Do you like it? Why	4. Why is it important to Vietnamese people?

PART B: PRACTICE

I. Choose the word whose underlined part differs from the others in pronunciation in each of the following questions.

1. A. comppass B. parking lot C. classroom D. garden

- | | | | |
|------------------------|----------------------|---------------------|-------------------|
| 2. A. <u>a</u> ctor | B. <u>h</u> ard | C. <u>m</u> ap | D. <u>m</u> aths |
| 3. A. <u>m</u> aps | B. <u>h</u> ats | C. <u>k</u> nocks | D. <u>b</u> ees |
| 4. A. <u>c</u> ookers | B. <u>n</u> otebooks | C. <u>p</u> osters | D. <u>t</u> ables |
| 5. A. <u>m</u> eat | B. <u>b</u> ean | C. <u>p</u> each | D. <u>g</u> reat |
| 6. A. <u>p</u> eaceful | B. <u>s</u> leepy | C. <u>p</u> leasure | D. <u>c</u> heap |
| 7. A. <u>k</u> ite | B. <u>i</u> mage | C. <u>b</u> ridge | D. <u>h</u> ill |
| 8. A. <u>v</u> ision | B. <u>m</u> inute | C. <u>p</u> olite | D. <u>k</u> itten |
| 9. A. <u>s</u> orry | B. <u>s</u> hopping | C. <u>s</u> ure | D. <u>s</u> ugar |
| 10. A. <u>s</u> ound | B. <u>s</u> and | C. <u>s</u> econd | D. <u>s</u> hirt |

II. Choose the word that differs from the others in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|-----------------|-------------|--------------|--------------|
| 1. A. excited | B. surround | C. classmate | D. behind |
| 2. A. become | B. dislike | C. eraser | D. subject |
| 3. A. apartment | B. cupboard | C. poster | D. sofa |
| 4. A. between | B. bedroom | C. messy | D. valley |
| 5. A. because | B. request | C. Chinese | D. modern |
| 6. A. peaceful | B. another | C. simple | D. friendly |
| 7. A. plaster | B. mountain | C. beside | D. waterfall |
| 8. A. temple | B. around | C. until | D. exchange |
| 9. A. wonder | B. forest | C. ahead | D. noisy |

III. Mark the letter A, B, C, D to indicate the correct answer to each of following the questions.

- What time does Nga _____ every morning?
A. gets up B. get up C. get D. gets
- You look really _____ in your new uniform!
A. intelligent B. smart C. healthy D. interesting
- Our classroom is _____ the second floor.
A. from B. in C. at D. on
- My cousin goes to a _____ school, so she only comes home at weekends.
A. boarding B. private C. public D. international
- Nam and Minh _____ soccer in the yard at the moment.
A. is playing B. play C. are playing D. plays
- The streets in Hoi An ancient town are _____ and no cars are allowed.
A. wide B. convenient C. huge D. narrow
- What are there _____ our neighborhood?
A. in B. on C. at D. from
- Living in the countryside is _____ than living in the city.
A. more peaceful B. peacefuller C. more peacefuller D. peaceful
- Turn left _____ the traffic lights and the restaurant is _____ your right
A. in - on B. at - in C. at - on D. on - in
- Summer is _____ than spring.
A. hotter B. more hot C. more hotter D. hotter
- The square in Ha Noi is _____ than the square in Hoi An.
A. big B. bigger C. more big D. bigger
- This car is _____ than that one.
A. cheaper B. more cheaper C. more cheap D. cheaper
- Miss Lan is _____ than Miss Nga.
A. older B. more old C. more older D. older
- My kitchen is _____ yours.
A. smaller than B. more smaller C. more small D. smaller
- Which is _____, the West Lake or the Sword Lake?
A. large B. larger C. more larger D. more large
- The Sahara is the third largest _____ in the world.
A. valley B. island C. desert D. mountain
- Ha Long Bay is famous _____ its scenic rock formations.
A. to B. with C. for D. by

18. _____ is a piece of land that is completely surrounded by water.
 A. A forest B. An island C. A wood D. a cave
19. The Grand Canyon is one of the natural _____ of the world.
 A. materials B. sights C. scenery D. wonders
20. When hiking overnight, don't forget to bring the _____. It will keep you warm at night.
 A. sleeping bag B. hiking boots C. sun cream D. painkillers
21. You _____ travel alone to the mountain. Always go in a group.
 A. must B. mustn't C. do D. don't
22. How _____ books are there in your bag?
 A. much B. a lot C. many D. a few
23. There isn't _____ milk in the fridge. It's empty.
 A. any B. some C. a little D. a few
24. How _____ sugar do you need for your tea, Mum?
 A. many B. a little C. some D. much
25. I want to speak English better. I _____ practise more.
 A. can't B. musn't C. must D. shouldn't
26. Students _____ copy their classmates' work.
 A. should B. mustn't C. must D. not
27. People in many countries in the world often wear their _____ clothes on the New Year Day.
 A. tradition B. summer C. ordinary D. traditional
28. I will _____ my lucky money in my piggy bank.
 A. keep B. spend C. borrow D. give
29. This year, Vietnamese people celebrate Tet _____ February.
 A. of B. on C. in D. at
30. On the first day of Tet, people often go to _____ to pray for a good new year.
 A. cinemas B. pagodas C. museums D. art galleries
31. What _____ you _____ on TV now?
 A. are- watching B. are- watch C. do- watch D. does- watch
32. I'm an _____ person. I think it is important to tell the truth.
 A. kind B. shy C. honest D. friendly
33. The weather today is _____ than it was yesterday.
 A. gooder B. good C. more good D. better
34. I need to buy _____ painkillers.
 A. much B. a C. some D. a little

IV. Mark the letter A, B, C, D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions

1. My brother play basketball with his friends three times a week
2. She doesn't likes staying at home alone.
3. Nam and Minh is talking with each other at the moment.
4. My sister is drink coffee in the living room now.
5. Mary is very confident. She never says anything.
6. There's a wastepaper basket between her desk.
7. A new house is expensiver than an old one.
8. It is more cold today than it was yesterday.
9. In the cinema we should eat or drink anything.
10. The meeting is very important, so you must be late!
11. My neighborhood is very inconvenient because everything is near my house.
12. We don't have many homework to do at home.
13. There aren't some apples on the table.

V. Choose the best response, A, B or C, to complete these short dialogues.

1. 'Can you tell me the way to Tan Ky House please?'
 '_____'. Go straight, then turn right.'
 A. Certainly B. Let's go C. Good idea! D. My pleasure
2. Shall we go to the museum this weekend?

- A. No problem B. Good idea! C. Not at all D. what a pity!
3. "Where do you live?" "_____",
A. On the floor. B. It's amazing. C. Next to the bookshelf. D. In a town house
4. Lorry, can you please pass me the newspaper?
A. No, thanks C. Sure. Here you are.
B. Yes, I would. D. Never mind
5. "I've passed my Math test".
A. That's a good idea! C. Congratulations!
B. It's nice of you to say so. D. Do you?
6. "How's it going?" "- _____"
A. To the cinema. C. See you later.
B. Hello. D. I'm good, thanks.
7. "This is Hannah."
"_____"
A. Pleased to meet you. C. Nice to hear you.
B. See you later. D. What about her?
8. "Can you tell me the time, please?"
"_____"
A. Yes, of course. It's there. C. Sure, it's lunch time.
B. Sorry, I haven't got a watch. D. Here you are.
9. "Have you got any other suggestions?"
"_____"
A. Yes, why not? C. Why don't we go to the cinema?
B. No, that's not a good idea. D. I'm fine.
10. "What would you like?"
"_____"
A. Sure. C. I'm hungry.
B. No, thanks. D. A burger, please.

VI. Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

1. Try to be **quick**! We're late already.
A. slow B. fast C. long D. short
2. Our city was **polluted** with the exhaust fumes emitted from vehicles.
A. clean B. populated C. popular D. dirty
3. The new theme park is dead **boring**. There aren't many things to do there.
A. sad B. exciting C. uninteresting D. fantastic
4. **Forest** is being cleared to make way for new farming land.
A. Wood B. Animal C. River D. Plant

VII. Choose the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to underlined part in each of the following sentences.

1. My computer is noticeably **slower** than before.
A. faster B. lower C. shorter D. higher
2. Food in this country is getting very **expensive**.
A. fresh B. rare C. overpriced D. cheap
3. I've just had a **terrible** thought. He may never come back from the battle field.
A. awful B. horrible C. fantastic D. boring
4. The law protects **ancient** monuments and old churches.
A. old B. modern C. traditional D. historic

VIII. Choose the word or phrase among A, B, C or D that the best fits the blank space in the following passage.

I live in a small village called Northville. There are about 2000 people here. I love the village (1)_____ it is very quiet and life is slow and easy. The village is always clean; people look (2)_____ it with great care. The air is always clean, too. People are much friendlier here than in a city because everyone (3)_____ the others, and if someone has a problem, there are always people who can help.

There are only a few things that I don't like about Northville. One thing is that we have not got many things to do in the evening; we haven't got (4) _____ cinemas or theaters. The other thing is

that people always talk about (5)_____, and everyone knows what everyone is doing. But I still prefer village life to life in a big city.

1. A. so B. although C. because D. but
2. A. for B. at C. up D. after
3. A. knows B. know C. is knowing D. knew
4. A. little B. some C. any D. few
5. A. others B. one another C. another D. other

IX. Choose the word or phrase among A, B, C or D that the best fits the blank space in the following passage.

Tra Co Beach in Quang Ninh province is 9 kilometers from Mong Cai. It has the (1)_____ and the most romantic beach in Viet Nam. Tourists can enjoy the (2)_____ of white sand beaches and green sea water all year (3)_____. Visitors can (4)_____ enjoy the sunset or sunrise in Con Mang islet. You can visit Tra Co Communal House, Linh Khanh Pagoda, and Tra Co Church. If tourists want some fresh (5)_____, they can find it from fishing boats. They can take part in "Tra Co Festival" from May 30 to June 6.

1. A. long B. longer C. longest D. much longer
2. A. beauty B. beautiful C. of beauty D. pretty
3. A. over B. long C. round D. longer
4. A. be B. be able C. then D. also
5. A. menu B. seafood C. air D. water

X. Read the following passage and mark the letter A,B, C,D to indicate the correct answer to each of the questions.

Lunar New Year, or Tet, is the biggest and most important festival in Vietnam. Tet often falls between late January and early February.

A great deal of excitement still builds up well before Tet. Streets are decorated with coloured lights and red banners. Shops are full of goods. People are busy buying gifts, cleaning and decorating their houses and cooking traditional foods.

Homes are often decorated with plants and flowers at this time. Peach blossom is traditional at Tet in the North while apricot blossom is traditional in the South. One of Tet's most special foods is bank chung, which is made of sticky rice, green beans and fatty pork.

On the days of Tet, people visit other family members or friends and they exchange New Year's wishes. Children receive their "lucky money" inside red envelopes. Many people go to pagodas to pray for a happy new year for themselves and their families. Both children and adults take part in games and various forms of entertainment. Tet is really a time of fun and festivals throughout the country.

1. When does Tet occur?

- A. between early January and early February.
- B. between late December and early January.
- C. between late January and early February.
- D. between late January and late February.

2. What do people do to prepare for Tet?

- A. They buy flowers, clean and decorate their houses and cook traditional foods.
- B. They buy gifts, clean and decorate their houses and cook traditional foods.
- C. They buy gifts, fireworks and cook traditional foods.
- D. They buy flowers, clean and decorate their houses and visit relatives.

3. Where is apricot blossom the symbol of Tet?

- A. It is the symbol of Tet in the North.
- B. It is the symbol of Tet in the Central region.
- C. It is the symbol of Tet in the Highlands.
- D. It is the symbol of Tet in the South.

4. What is Banh Chung made of?

- A. It is made of sticky rice, green beans and fatty pork.

- B. It is made of flour, green beans and fatty pork.
- C. It is made of sticky rice, green beans and fatty beef.
- D. It is made of sticky rice, green beans and fatty chicken.

5. What do children receive during Tet?

- A. They receive a piggy bank.
- B. They receive lucky money.
- C. They receive lanterns.
- D. They receive new clothes.

XI. Read the following passage and mark the letter A,B, C,D to indicate the correct answer to each of the questions.

Victoria Falls is one of the Seven Natural Wonders of the world. It is the largest waterfall in the world. It is 1.7 kilometers wide and 108 meters high. Victoria Falls is located on the border between Zambia and Zimbabwe, and travelers can access the falls through either Livingstone, Zambia or Victoria Falls, Zimbabwe. The Zambezi River, which originates in northern Zambia, serves as the fall's water source.

Victoria Falls was discovered by the Scottish explorer Dr. David Livingstone in 1855. He named the falls after Queen Victoria. The locals called the falls Mosi-oa-Tunya meaning "the smoke that thunders". Long before you even see the waterfalls you can hear the roaring of the water!

The months of June and July are probably the best time to view the falls. The water levels are still high enough to showcase the splendor of the falls, but the amount of water is less creating less spray and more visibility of the falls.

1. Where is Victoria Falls?

.....

2. How high is the falls?

.....

3. Is Victoria Falls the world's highest waterfall?

.....

4. What is the other name for Victoria Falls?

.....

5. Who discovered the falls?

.....

6. When is the best time to visit the falls?

.....

XII. Rewrite the sentences as directed.

Write the second sentence so that it has a similar meaning to the first one

1. Korea is colder than Vietnam.

→ Vietnam

2. It's a good idea to go to pagoda on New Year's Eve.

→ We

3. The TV set is in front of the window.

→ The window

4. Country life isn't as interesting as city life.

→ City life

5. The living room isn't as big as the kitchen.

→ The kitchen

6. There are three supermarkets in my town.

→ My town.....

7. We are not allowed to pick flowers in the school garden.

→ We.....

8. It's very important for you to be here at 6.00.

→ You

9. Don't be late for school.

→ You.....

XIII. Make sentences, using the words and phrases below

1. She/usually/drink/coffee/her friends/the morning.
.....

2. Peter/ have/ lunch/ kitchen/the moment.
.....

3. You/ take/umbrella/because/it/ rain.
.....

4. How/apples/you/need/make/cake?
.....

5. The black coat/short/than/the brown one.
.....

6. The sofa/comfortable/the chair.
.....

7. He/want/buy/some/new/furniture/ house.
.....

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Phần Lịch sử:

- Học sinh ôn tập lại kiến thức các bài: 7,8,9,10.
- Nội dung chính:
 - * Xã hội cổ đại
 - Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.
 - Ấn Độ cổ đại.
 - Trung Quốc từ thời kì cổ đại đến thế kỉ VII.
 - Hy Lạp và La Mã cổ đại.

II. Phần Địa lí:

- Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 1,3,6,7,8,10,11,12,13.
- Nội dung chính:
 - * Phần 1: Bản đồ - Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất.
 - Hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí.
 - Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế giữa vào tỉ lệ bản đồ.
 - * Phần 2: Trái Đất – Hành tinh của hệ Mặt Trời.
 - Trái Đất trong hệ Mặt Trời.
 - Trái Đất trong hệ Mặt Trời.
 - Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả.
 - Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả.
 - * Phần 3: Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất.
 - Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo.
 - Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi.
 - Núi lửa và động đất.
 - Các dạng địa hình trên Trái Đất.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

- 50% trắc nghiệm + 50% tự luận.

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Trình bày đặc điểm của khoáng sản.

Câu 2: Trình bày đặc điểm của các dạng địa hình trên Trái Đất: núi và đồng bằng.

Câu 3: Một chiếc máy bay cất cánh tại sân bay Tân Sơn Nhất lúc 6h ngày 1/3/2022 đến Luân Đôn sau 12h bay, máy bay hạ cánh. Khi máy bay hạ cánh tại Luân Đôn thì cùng lúc đó là mấy giờ, ngày nào tại các địa điểm sau?

Vị trí	Tokyo	Washington	New Deli
Kinh độ	135 ^{0Đ}	75 ^{0T}	75 ^{0Đ}
Giờ			
Ngày, tháng			

Câu 4: Trình bày đặc điểm của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả.

Câu 5: Trình bày những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại. Thành tựu văn hóa nào của Ấn Độ cổ đại vẫn được sử dụng cho đến ngày nay?

Câu 6: Trình bày những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung quốc thời kì cổ đại đến thế kỉ VII. Thành tựu văn hóa nào của Trung Quốc có ảnh hưởng đến Việt Nam và nhiều nước phương Đông?

Câu 7: Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên của Hy Lạp cổ đại có đặc điểm gì nổi bật? Với điều kiện tự nhiên như trên, cư dân của Hy Lạp cổ đại có ưu thế để phát triển các ngành kinh tế nào?

Câu 8: Nêu những đặc điểm chính của chế độ đẳng cấp của chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại. Cho biết chế độ đẳng cấp của chế độ xã hội cổ đại của Ấn Độ dựa trên sự phân biệt nào?

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I MÔN GDCD LỚP 6

A/ HỆ THỐNG BÀI HỌC

1. Tôn trọng sự thật
2. Tự lập
3. Tự nhận thức bản thân

B/ BÀI TẬP:

1. Nắm được khái niệm trong mỗi bài học và trả lời được các câu hỏi, bài tập sau mỗi bài học trong SGK.
2. Tạo được tình huống, giải quyết được một số tình huống có liên quan đến từng chủ đề bài học.
3. Tìm, giải thích được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, danh ngôn... liên quan đến chủ đề.
4. Liên hệ bản thân, điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức ở từng chủ đề.

C. MỘT SỐ CÂU HỎI CỤ THỂ

Câu 1: Sự thật là gì? Tôn trọng sự thật là gì? Vì sao cần phải tôn trọng sự thật?

Câu 2: Để trở thành người biết tôn trọng sự thật chúng ta cần làm gì?

Câu 3: Thế nào là tự lập? Biểu hiện của tự lập và biểu hiện trái với tự lập? Những việc nên làm để tự nhận thức bản thân?

Câu 4: Em hiểu thế nào là tự nhận thức bản thân? Theo em, tự nhận thức bản thân có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi chúng ta?

Câu 5: Tình huống

Tình huống 1: Mai và Thảo cùng học lớp 6C do Mai làm lớp trưởng. Hai bạn rất thân với nhau. Mai học giỏi, còn Thảo thì học hành chưa được chăm chỉ, hay thiếu bài tập về nhà. Là cán bộ lớp, Mai báo cáo với cô giáo về tình hình chuẩn bị bài của lớp mình, nhưng lại không báo cáo với cô về tình hình của Thảo.

a) Em hãy nhận xét về việc làm của Mai?

b) Nếu em là Mai, em sẽ làm gì? Vì sao?

Tình huống 2: Trong giờ kiểm tra Toán, gặp bài khó, Nam loay hoay mãi vẫn chưa giải được. Thấy sắp hết giờ mà bạn vẫn chưa làm xong bài, Dũng ngồi bên cạnh đưa bài đã giải sẵn cho Nam chép.

a) Em có nhận xét gì về việc làm của Nam và Dũng?

b) Nếu là Nam, em sẽ làm gì? Vì sao?

c) Nếu là Dũng, em sẽ làm gì? Vì sao?

Tình huống 3: Hồng rất tự tin vào những ưu điểm của bản thân. Mặc dù hát không hay, nhưng Hồng luôn mơ ước trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Hồng nghĩ rằng, muốn làm ca sĩ thì không cần phải hát hay, chỉ cần xinh đẹp, ăn mặc thời trang, biết nhảy múa là được. Em có đồng ý với suy nghĩ của Hồng không? Vì sao?

Tình huống 4: Bạn Minh ở lớp 6A có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên thường cảm thấy tự ti, mặc cảm về bản thân, nhiều lúc rất muốn thôi học. Một lần, Minh đã đọc trên báo về một tấm gương vượt khó, cũng có hoàn cảnh khó khăn như mình, nhưng đã nỗ lực vươn lên trở thành một sinh viên ưu tú, được ra nước ngoài học tập và thành đạt. Minh đã quyết tâm lấy tấm gương đó làm động lực để mình học giỏi và đạt được mơ ước.

a) Minh đã sử dụng cách thức nào để tự nhận thức bản thân?

b) Để tự nhận thức bản thân tốt hơn, theo em bạn Minh nên áp dụng thêm cách thức nào nữa?

I. Ôn tập bài hát:

- Bài hát *Em yêu giờ học hát*
- Bài hát *Lí cây đa*
- Bài hát *Bụi phấn*
- Bài hát *Tình bạn bốn phương*

II. Ôn tập: tập đọc nhạc.

- Bài đọc nhạc số 1.
- Bài đọc nhạc số 2.
- Bài đọc nhạc số 3.
- Bài đọc nhạc số 4.

I. Nội dung bài học

1. Hội Xuân quê hương
2. Hoạt cảnh ngày hội

II. Yêu cầu cần đạt

HS được củng cố về các kiến thức: hs biết vẽ cơ bản và biết dựng hoạt cảnh.

III. Hướng dẫn ôn tập

1. Lí thuyết

- Hoạt cảnh là gì?
- Các bước tạo hoạt cảnh?
- Nêu những hình ảnh về mùa xuân ở quê hương em?

2. Thực hành:

- Hội xuân quê em:
 - + Hình thức: vẽ tranh
 - + Bộ cục: hợp lí, hài hòa.
 - + Hình vẽ: đẹp, có ý nghĩa
 - + Màu sắc: tươi sáng, hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
 - + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mĩ
- Tạo hình nhân vật 3D:
 - + Hình thức: tạo hoạt cảnh từ nhân vật 3D
 - + Bộ cục: hoạt cảnh có mảng chính phụ
 - + Hình vẽ: tạo hoạt cảnh bằng các chất liệu tái chế
 - + Màu sắc: tươi sáng, hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
 - + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mĩ

3. Yêu cầu thực hành

Thực hành giấy hoặc mô hình.

TRƯỜNG THCS THANH AM
NĂM HỌC 2022- 2023

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Giáo dục thể chất

LỚP 6

I. Nội dung ôn tập.

Chủ đề: Chạy cự ly trung bình

II. Yêu cầu.

- Học sinh biết cách phối hợp các giai đoạn chạy cự ly trung bình và hoàn thành cự ly (200 – 300m đối với nữ; 250 – 350m đối với nam)

BAN GIÁM HIỆU

(Kí duyệt)

Lê Thị Ngọc Anh